

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CTCP NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI

Ngày 14/06/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **199/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Ngày 22/06/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **HII**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCX TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái.

Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VÀ KHOÁNG SẢN AN PHÁT – YÊN BÁI

Tên Tiếng anh: An Phat – Yen Bai Mineral & Plastic Joint Stock Company

Tên viết tắt: ANPHATYENBAIM&P.,JSC

Trụ sở chính: Khu CN phía Nam, xã Văn Tiến, TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Điện thoại: 02163 856 555

Fax: 02163 851 123

Website: www.anphatmineral.com

Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 01/10/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 18/10/2016.

Vốn Điều lệ: **136.000.000.000** đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ đồng).

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Thành lập và phát triển
10/2009	Thành lập công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái với 4 thành viên sáng lập. UBND tỉnh Yên Bái chấp thuận cho Công ty thuê 40.000 m ² đất với thời hạn 50 năm tại Khu công nghiệp phía Nam, TP Yên Bái. Công ty đã tiến hành giải phóng mặt bằng, tiến hành san lấp để xây dựng nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ với công suất 4.800 tấn/năm
08/2010	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 40 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Công ty chính thức đưa nhà máy sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ đi vào hoạt động. Sản phẩm được các đối tác trong nước và ngoài nước đón nhận
2011	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy lên 10.000 tấn/năm
01/2013	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 80 tỷ đồng lên 86 tỷ đồng. Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt

Năm	Thành lập và phát triển
	15.000 tấn/năm
08/2014	Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án với công suất sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO ₃ đạt 35.000 tấn/năm. Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa tổng công suất nhà máy đạt 20.000 tấn/năm
01/2015	Sau khi tham khảo thị trường Công ty quyết định đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất sang hệ thống máy trộn cao tốc 2 nòng trục với ưu điểm là nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội, các chi phí điện năng tiêu thụ và nhân công thấp hơn so với các dây chuyền cũ
04/2016	Công ty tiếp tục đầu tư lắp đặt thêm dây chuyền mới đưa công suất lên 35.000 tấn/năm
08/2016	Công ty đầu tư dự án nâng công suất thiết kế nhà máy sản xuất hạt Nhựa CaCO ₃ lên 150.000 tấn/năm, Dự án xây dựng nhà máy sản xuất Bột đá CaCO ₃ công suất thiết kế đạt 222.000 tấn/năm.
10/2016	Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 86 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng để mở rộng sản xuất.

1. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty: Sản xuất kinh doanh vật tư, nguyên liệu, sản phẩm nhựa.

- Số năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính: 08 năm
- Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty: Kinh doanh hạt nhựa nguyên sinh, sản xuất các sản phẩm, phụ gia nhựa (hạt nhựa phụ gia...).
- Hạt nhựa nguyên sinh: Là nguyên liệu phục vụ sản xuất hạt phụ gia của Công ty, đồng thời Công ty cũng kinh doanh thương mại hạt nhựa nguyên sinh.
- Hạt nhựa phụ gia: Hạt phụ gia Calbest, Hạt phụ gia PP... tạo thành bởi phụ gia và bột đá (CaCO₃), trong đó có chứa khoảng 70% - 80% CaCO₃ và 20% - 30% nhựa nguyên sinh PE, PP, nhựa Polypropylen với một số phụ gia khác.

2. Cơ cấu tổ chức:

- Công ty mẹ: Không có.
- Các Công ty con: Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, tính đến ngày 18/05/2017 Công ty đã thực hiện đầu tư vào 02 Công ty là: Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín sở hữu 54,45% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 66 tỷ đồng) và Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp An Thành sở hữu 99,67% vốn Điều lệ (vốn Điều lệ là 30 tỷ đồng).

- Các Công ty liên doanh, liên kết: Không có
- Các công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Công ty CP nhựa và Môi trường xanh An Phát (tỷ lệ nắm giữ: 35,29%)

3. Cơ cấu cổ đông của Công ty (ngày 09/05/2017)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông trong nước	13.600.000	100	312
	- Tổ chức	4.800.000	35,29	1
	- Cá nhân	8.800.000	64,71	311
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
Tổng cộng		13.600.000	100	312

4. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

➤ **Năng lực hoạt động SXKD:**

Hiện tại An Phát Yên Bái đang sở hữu một nhà máy với diện tích 40.000 m² được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại trị giá hàng chục tỷ đồng với công suất 40.000 tấn sản phẩm/năm. Sản phẩm chính của công ty là Hạt nhựa phụ gia Anphat Calbest (PE và PP) được ứng dụng làm phụ gia trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành trong sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm... Ngoài ra hạt phụ gia Anphat Calbest được dùng trong công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: bột bả, sơn... Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, công nghiệp sản xuất các loại giấy...

➤ **Phương thức tổ chức hoạt động SXKD:**

Nguyên liệu chính cho hoạt động của Công ty là hạt nhựa nguyên sinh, bột đá CaCo₃... trong đó hạt nhựa nguyên sinh chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài với nguồn cung cấp dồi dào. Bột đá vôi (CaCo₃) được mua của các đơn vị tại địa bàn Yên Bái (mỏ đá Mông Sơn và Lục Yên với trữ lượng lớn, hàm lượng CaCO₃ lớn hơn 98,5% cũng như độ trắng, độ sáng cao và đồng nhất, được các chuyên gia trong và ngoài nước đánh giá là tốt nhất Việt Nam và Đông Nam Á): Công ty Cổ Phần Mông Sơn, Công ty TNHH Khoáng Sản Nhật Linh...

Sản phẩm của Công ty một phần nhỏ được xuất bán cho Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát còn lại chủ yếu được xuất khẩu. Hiện tại, thị trường xuất khẩu của Công ty được mở rộng với các thị trường chính là EU, UAE, Nga và Ấn

Độ... Tỷ trọng doanh thu bán hàng cho Công ty mẹ từ chiếm 41,9% trong tổng doanh thu năm 2013, giảm còn 24,8% năm 2014 và 25,4% năm 2015, 19% năm 2016 và sẽ đẩy mạnh xuất khẩu vào các năm tiếp theo:

➤ **Các dự án đang triển khai**

Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO₃ và nghiền bột đá CaCO₃.

❖ **Chủ đầu tư:** Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái

❖ **Địa điểm xây dựng:** Khu công nghiệp Phía Nam thành phố Yên Bái

❖ **Diện tích sử dụng:** 40.000 m².

❖ **Tổng công suất thiết kế nhà máy:** 372.000 tấn sản phẩm/năm

Trong đó:

+ Hạt nhựa CaCO₃: 150.000 tấn/năm

+ Bột đá CaCO₃: 222.000 tấn/năm

❖ **Tổng vốn đầu tư:** 459,14 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tự có: 234,14 tỷ đồng

+ Vốn vay: 225 tỷ đồng

❖ **Thời gian đi vào hoạt động:** Năm 2016 – 2017: Đầu tư mới 10 dây chuyền hạt nhựa CaCO₃ với công suất mỗi dây chuyền là 15.000 tấn/năm và 06 dây chuyền bột đá CaCO₃ với công suất mỗi dây chuyền là 37.000 tấn/năm.

5. Doanh thu, chi phí của Công ty qua các năm

Doanh thu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/ giảm năm 2016 so với năm 2015	Quý I/2017
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.422.227.793	193.837.344.308	2,87%	140.763.026.977
- Doanh thu bán thành phẩm	137.529.021.956	171.462.587.247	24,67%	79.442.040.921
- Doanh thu bán hàng hóa	50.893.205.837	22.374.757.061	-56,04%	61.365.652.292
Doanh thu hoạt động tài chính	1.065.576.055	2.273.772.037	113,38%	1.801.371.945
Thu nhập khác	108.935.563	24.216.653	-77,77%	5.020.000
Tổng doanh thu và thu nhập khác	189.596.739.411	196.135.333.998	3,45%	142.569.418.922

Chi phí sản xuất kinh doanh:

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016		Quý I/2017
	Giá trị	Tỷ lệ/DTT	Giá trị	Tỷ lệ/ DTT	Giá trị
Giá vốn hàng bán	161.323.480.101	85,66%	149.503.456.680	77,18%	120.274.025.472
Chi phí tài chính	2.729.053.205	1,45%	4.529.288.220	2,34%	1.666.255.956
Chi phí bán hàng	12.305.044.497	6,53%	14.707.132.911	7,59%	5.547.754.561
Chi phí quản lý DN	4.805.523.553	2,55%	5.949.675.936	3,07%	1.501.402.807
Chi phí khác	254.137	0,00%	6.850.791.734	3,54%	-
Tổng cộng chi phí	181.163.355.493	96,19%	181.540.345.481	93,71%	128.989.438.796

10. Trình độ công nghệ:

An Phát là doanh nghiệp sản xuất phụ gia ngành nhựa hàng đầu tại Việt Nam với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa phụ gia và bột đá CaCO₃, đồng thời, An Phát – Yên Bái được đánh giá là doanh nghiệp thân thiện với môi trường, có hệ thống nhà xưởng sạch đẹp, quy trình xử lý nước thải tuần hoàn khép kín, đạt tiêu chuẩn quốc tế. Điều này giúp doanh nghiệp có lợi thế trong việc tiếp cận với các thị trường khắt khe về tiêu chuẩn vệ sinh môi trường như EU, Nhật. Một số sản phẩm công nghệ mới đã được chính An Phát – Yên Bái sản xuất như hệ thống xử lý nước thải và một số máy móc khác

11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
Tổng tài sản	212.278.011.672	368.052.280.234	73,38	433.527.191.050
Tài sản ngắn hạn	93.040.435.396	244.146.298.643	162,4	286.528.866.645
Tài sản dài hạn	119.237.576.276	123.905.981.591	3,90	146.998.324.405
Tổng nguồn vốn	212.278.011.672	368.052.280.234	73,38	433.527.191.050
Nợ phải trả	105.792.214.753	250.327.823.184	136,6	256.095.229.285

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
<i>Trong đó:</i>				
+ Nợ ngắn hạn	90.792.214.753	95.325.173.184	5,0	102.526.929.285
+ Nợ dài hạn	15.000.000.000	155.002.650.000	933,4	153.568.300.000
Vốn chủ sở hữu	106.485.796.919	117.724.457.050	10,6	177.431.961.765
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.422.227.793	193.837.344.308	2,9	140.807.693.213
Các khoản giảm trừ doanh thu	83.579.250	119.790.440	43,3	44.666.236
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.338.648.543	193.717.553.868	2,9	140.763.026.977
Giá vốn hàng bán	161.323.480.101	149.503.456.680	-7,3	120.274.025.472
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.015.168.442	44.214.097.188	63,7	20.489.001.505
Doanh thu hoạt động tài chính	1.065.576.055	2.273.772.037	113,4	1.801.371.945
Chi phí tài chính	2.729.053.205	4.529.288.220	66,0	1.666.255.956
<i>+Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1.202.592.954</i>	<i>3.409.993.795</i>	<i>183,6</i>	<i>1.351.873.564</i>
Chi phí bán hàng	12.305.044.497	14.707.132.911	19,5	5.547.754.561
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.805.523.553	5.949.675.936	23,8	1.501.402.807
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.241.123.242	21.301.772.158	158,5	13.574.960.126

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	%Tăng/giảm 2016 so với 2015	Quý I/2017
Thu nhập khác	108.935.563	24.216.653	-77,8	5.020.000
Chi phí khác	254.137	6.850.791.734	2.695.608	-
Lợi nhuận khác	108.681.426	-6.826.575.081	-	5.020.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.349.804.668	14.475.197.077	73,4	13.579.980.126
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.883.126.034	2.913.203.215	54,7	2.716.276.025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.466.678.634	11.561.993.862	78,8	10.863.704.101
Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	6,07	9,82	61,78	6,12
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	398,97%	-	-	-

12. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành :

Kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát - Yên Bái đã liên tục phát triển, mở rộng. Đến nay, trải qua quá trình phát triển với những kinh nghiệm được kế thừa từ Anphat Plastic kết hợp với nguyên liệu dồi dào và chất lượng của vùng Yên Bái, Anphat Mineral đã từng bước khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, vươn lên là nhà sản xuất hạt phụ gia CaCO₃ cho ngành nhựa lớn nhất Việt Nam và được nhiều khách hàng biết đến là một nhà cung cấp “Uy tín – Chất lượng”.

Công ty là đơn vị chế biến hạt nhựa phụ gia để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các đơn vị sản xuất nhựa khác nên các đối thủ cạnh tranh trực tiếp là không nhiều do hiện nay tỷ trọng nhập khẩu còn lớn, mức độ cạnh tranh trên thị trường không gay gắt. Bên cạnh đó, các sản phẩm của Công ty được ưu tiên cung cấp làm nguyên vật liệu đầu vào cho nhu cầu không ngừng tăng lên cho các Nhà máy của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát, một phần bán ra thị trường cho các Công ty khác. Do đó, Công ty hầu như không có rủi ro về mặt thị trường.

Về thị trường xuất khẩu, doanh thu thị trường xuất khẩu năm 2014 là 53.419 triệu đồng, tăng lên 107.828 triệu đồng năm 2015 và 131.013 triệu đồng năm 2016. Về thị trường trong nước, Môi trường xanh An Phát là khách hàng lớn của Công ty. Việc Môi trường xanh An Phát đầu tư và đưa vào sử dụng thêm hai nhà máy trong năm 2017, nâng công suất thiết kế lên gấp đôi, sẽ tăng mạnh nhu cầu sử dụng hạt nhựa phụ gia của Công ty.

Trong thời gian tới, sau khi dây chuyền sản xuất bột đá CaCO₃ được đưa vào sử dụng, Công ty sẽ tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành rẻ hơn, phục vụ sản xuất hạt nhựa CaCO₃.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016, 2017

❖ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016 (triệu đồng)	Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2017
Doanh thu thuần	193.837	1.100.000	467,49	1.300.000	18,18
<i>+ Hạt nhựa phụ gia CaCo₃</i>	171.463	340.000	98,29	490.000	44,12
<i>+ Hoạt động vận tải</i>	-	105.000	-	120.000	14,29
<i>+ Thương mại hạt nhựa</i>	22.375	665.000	2.872,1	690.000	3,76
Lợi nhuận sau thuế	11.562	55.000	375,70	69.000	25,45
<i>+ Hạt nhựa phụ gia CaCo₃</i>	10.624	28.000	163,55	40.400	45,43
<i>+ Hoạt động vận tải</i>	-	9.000	-	10.000	11,20
<i>+ Thương mại hạt nhựa</i>	938	18.000	1.819,25	18.600	3,76
Vốn chủ sở hữu	117.724	159.124	35,17	214.524	34,82
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần (%)	5,97%	5%	-16,2	5,3%	6,0
Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu (%)	9,82	34,56	251,9	32,16	(6.94)
Cổ tức (%) (*)	-	10-15%	-	10-15%	-

14. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,32	2,69
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,32	2,69
Chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính			
- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	41,89%	36,05%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	72,10%	56,37%
- Chỉ số đòn bẩy (Tổng tài sản/ Vốn chủ sở hữu)	Lần	1,72	1,56
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,21	0,20
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,13	0,12
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	53,12%	50,70%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11,17%	10,14%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,84%	6,18%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	67,78%	63,46%

15. Một số rủi ro lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh

- *Lãi suất*

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2%–0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7% – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3% -11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5% – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm nay có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh.

Năm 2016, mặt bằng lãi suất huy động tăng nhẹ so với năm 2015 khoảng vài chục điểm cơ bản tùy từng kỳ hạn từ ngắn đến trung và dài hạn, trong đó có hai đợt điều chỉnh tương đối rõ vào quý I và cuối quý IV. Đến cuối năm 2016, lãi suất huy động các kỳ hạn ngắn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 4,3% - 5,5%/năm, từ 6 tháng đến dưới 12 tháng trong khoảng 5,3% - 7%/năm, từ 12 tháng trở lên trong khoảng 6,5% - 8%/năm.

Trong 2 tháng đầu năm 2017, mặt bằng lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở mức 0,8-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5-5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,4-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,4-7,2%/năm. (NHNN). Trong khi đó, lãi suất cho vay tiếp tục ổn định.

Tính đến thời điểm 31/12/2016, nợ phải trả của Công ty là 250,3 tỷ đồng tương đương với 68% tổng nguồn vốn, trong đó nợ vay là 236,4 tỷ đồng (Báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2016).

- Rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu đầu vào của Công ty là đá Caco₃, hạt nhựa nguyên sinh và các chất phụ gia khác. Hạt nhựa nguyên sinh được công ty nhập khẩu từ nước ngoài vs các đối tác lớn và uy tín. Dù có sự phát triển mạnh trong những năm gần đây nhưng ngành nhựa chủ yếu vẫn chỉ được biết đến như một ngành kinh tế kỹ thuật về gia công chất dẻo vì phải nhập khẩu đến gần 80% nguyên liệu. Hiện nay mỗi năm ngành nhựa cần trung bình khoảng 3,5 triệu tấn các loại nguyên liệu đầu vào như PE, PP, PS, PVC và hàng trăm loại hoá chất phụ trợ khác nhau. Tuy nhiên, ngành nhựa chỉ mới chủ động được khoảng gần 900.000 tấn nguyên liệu và hóa chất, phụ gia cho nhu cầu của toàn ngành (khoảng 20-25% nguyên liệu) do ngành công nghiệp hóa dầu chưa phát triển.

Đá Caco₃ được Công ty nhập chủ yếu từ các mỏ Lục Yên và Mông Dương thuộc Tỉnh Yên Bái. Hoạt động khai thác đá thường chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của điều kiện tự nhiên do đó biến động về thời tiết mưa gió, bão, lũ lụt có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất khai thác của các mỏ đá và ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào cung cấp cho Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố về môi trường như sức ép bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên. Xu hướng thu các khoản phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới giá nguyên vật liệu đầu vào do đó ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Công ty.

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Hiện nay, dự kiến sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc và Nhật Bản. Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá trắng của doanh nghiệp

có thể bị ảnh hưởng nếu các quốc gia tiêu thụ có sự thay đổi về chính sách nhập khẩu. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã và đang có chiến lược đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.